

Phụ lục

MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP THEO PHƯƠNG THỨC TÍCH LŨY MÔ ĐUN/TÍN CHỈ NĂM HỌC 2026-2027

(Ban hành kèm theo Quyết định số 890 /QĐ -CDLC ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lào Cai)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Ngành nghề đào tạo	Đơn giá/ tín chỉ	Ghi chú
A	MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC LỚP K24		
I	Trình độ Cao đẳng		
1	Cao đẳng Điều dưỡng K24 (CĐ.ĐDU.K24)	535.100	
2	Cao đẳng Dược K24 (CĐ.DUO.K24)	545.800	
3	Cao đẳng Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (sáo trúc) K24 (CĐ.BNT.K24)	354.200	
4	Cao đẳng Diễn viên múa K24 (CĐ.DVM.K24)	345.500	
5	Cao đẳng Piano K24 (CĐ.PAN.K24)	369.600	
6	Cao đẳng Thanh nhạc K24 (CĐ.TNH.K24)	363.200	
7	Cao đẳng Hội họa K24 (CĐ.HHO.K24)	372.800	
8	Cao đẳng Thú y K24 (CĐ.THY.K24)	319.600	
9	Cao đẳng Kế toán K24 (CĐ.KTO.K24)	350.000	
10	Cao đẳng Quản trị khách sạn K24 (CĐ.QKS.K24)	444.400	
11	Cao đẳng Quản trị dịch vụ và du lịch lữ hành K24 (CĐ.QDL.K24)	413.400	
12	Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K24 (CĐ.HDL.K24)	418.300	
13	Cao đẳng Điện công nghiệp CLC K24 (CĐ.ĐCN.K24 CLC)	571.100	
14	Cao đẳng Điện công nghiệp K24 (CĐ.ĐCN.K24)	474.700	
15	Cao đẳng Vận hành thủy điện K24 (CĐ.VTĐ.K24)	425.000	
16	Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh, điều hoà không khí K24 (CĐ.KML.K24)	479.800	
17	Cao đẳng Công nghệ ô tô chất lượng cao K24 (CĐ.COT.K24 CLC)	571.100	
18	Cao đẳng Công nghệ ô tô K24 (CĐ.COT.K24)	479.800	
19	Cao đẳng Hàn K24 (CĐ.HAN.K24)	485.000	
20	Cao đẳng Công nghệ thông tin K24 (CĐ.CNT.K24)	350.900	
21	Cao đẳng Tiếng anh K24 (CĐ.TAN.K24)	351.500	
22	Cao đẳng Tiếng trung quốc K24 (CĐ.TTQ.K24)	327.600	
II	Trình độ trung cấp		
1	Trung cấp Công nghệ ô tô K24 (TC.COT.K24)	501.800	
2	Trung cấp Tiếng trung quốc K24 (TC.TTQ.K24)	330.900	
3	Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24 (TC.KXD.K24)	550.300	
4	Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K24 (TC.NCC.K24)	357.100	
5	Trung cấp Thú y K24 (TC.THY.K24)	330.900	
6	Trung cấp Chăn nuôi thú y K24 (TC.CNY.K24)	330.900	
7	Trung cấp Kế toán doanh nghiệp K24(TC.KDN.K24)	351.600	
8	Trung cấp Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp K24 (TC.KLĐ.K24)	501.800	
9	Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (sáo trúc) K24 (TC.BNT.K24)	462.000	
10	Trung cấp Biểu diễn múa dân gian, dân tộc K24 (TC.NBM.K24)	531.300	
11	Trung cấp Organ K24 (TC.ORG.K24)	462.000	
12	Trung cấp Hội họa K24 (TC.HHO.K24)	538.000	
13	Trung cấp Thanh nhạc K24 (TC.TNH.K24)	462.000	
14	Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn K24 (TC.NNK.K24)	412.000	
15	Trung cấp Hướng dẫn du lịch K24 (TC.HDL.K24)	445.800	
16	Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn K24 CLC (TC.NNK.K24 CLC)	459.600	

STT	Ngành nghề đào tạo	Đơn giá/ tín chỉ	Ghi chú
17	Trung cấp Kỹ thuật máy lạnh, điều hoà không khí K24 (TC.KML.K24)	533.100	
18	Trung cấp Điện công nghiệp K24 (TC.ĐCN.K24)	443.200	
19	Trung cấp Hàn K24 (TC.HAN.K24)	517.000	
20	Trung cấp Điện nước K24 (TC.ĐNU.K24)	524.900	
B	MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC LỚP K25		
I	Trình độ Cao đẳng		
1	Cao đẳng Điều dưỡng K25 (CĐ.ĐDU.K25)	591.100	
2	Cao đẳng Dược K25 (CĐ.DUO.K25)	602.800	
3	Cao đẳng Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (sáo trúc) K25 (CĐ.BNT.K25)	406.900	
4	Cao đẳng Diễn viên múa K25 (CĐ.DVM.K25)	414.200	
5	Cao đẳng Piano K25 (CĐ.PAN.K25)	406.900	
6	Cao đẳng Thanh nhạc K25 (CĐ.TNH.K25)	406.900	
7	Cao đẳng Hội họa K25 (CĐ.HHO.K25)	410.500	
8	Cao đẳng Thú y K25 (CĐ.THY.K25)	387.100	
9	Cao đẳng Nông nghiệp và công nghệ cao K25 (CĐ.NCC.K25)	387.100	
10	Cao đẳng Kỹ thuật xây dựng K25 (CĐ.KXD.K25)	611.000	
11	Cao đẳng Kế toán K25 (CĐ.KTO.K25)	421.900	
12	Cao đẳng Kế toán K25 CLC (CĐ.KTO.K25.CLC)	473.300	
13	Cao đẳng Kế toán - Tiếng trung quốc K25 (CĐ.KTO.K25.TTQ)	416.800	
14	Cao đẳng Quản trị khách sạn K25 (CĐ.QKS.K25)	463.600	
15	Cao đẳng Quản trị khách sạn K25 CLC (CĐ.QKS.K25.CLC)	555.500	
16	Cao đẳng Quản trị dịch vụ và du lịch lữ hành K25 (CĐ.QDL.K25)	498.400	
17	Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K25 (CĐ.HDL.K25)	517.800	
18	Cao đẳng Hướng dẫn du lịch - tiếng trung quốc K25 (CĐ.HDL.K25.TTQ)	557.300	
19	Cao đẳng Điện công nghiệp CLC K25 (CĐ.ĐCN.K25 CLC)	631.800	
20	Cao đẳng Điện công nghiệp K25 (CĐ.ĐCN.K25)	490.800	
21	Cao đẳng Kỹ thuật lắp đặt và điều khiển trong công nghiệp K25 (CĐ.KCN.K25)	596.000	
22	Cao đẳng Vận hành thủy điện K25 (CĐ.VTĐ.K25)	550.200	
23	Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh, điều hoà không khí K25 CLC (CĐ.KML.K25.CLC)	592.600	
24	Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh, điều hoà không khí K25 (CĐ.KML.K25)	538.300	
25	Cao đẳng Công nghệ ô tô chất lượng cao K25 (CĐ.COT.K25 CLC)	631.800	
26	Cao đẳng Công nghệ ô tô K25 (CĐ.COT.K25)	538.300	
27	Cao đẳng Hàn K25 (CĐ.HAN.K25)	544.200	
28	Cao đẳng Công nghệ thông tin K25 (CĐ.CNT.K25)	366.600	
29	Cao đẳng Tiếng anh K25 (CĐ.TAN.K25)	438.800	
30	Cao đẳng Tiếng trung quốc K25 (CĐ.TTQ.K25)	361.600	
31	Cao đẳng Tiếng trung quốc K25 CLC (CĐ.TTQ.K25.CLC)	427.300	
II	Trình độ trung cấp		
1	Trung cấp Công nghệ ô tô K25 (TC.COT.K25)	577.200	
2	Trung cấp Tiếng trung quốc K25 (TC.TTQ.K25)	363.400	
3	Trung cấp Tin ứng dụng K25 (TC.TUD.K25)	328.700	
4	Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K25 (TC.KXD.K25)	618.100	
5	Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K25 (TC.NCC.K25)	396.900	
6	Trung cấp Thú y K25 (TC.THY.K25)	423.000	
7	Trung cấp Chăn nuôi thú y K25 (TC.CNY.K25)	423.000	
8	Trung cấp Kế toán doanh nghiệp K25 (TC.KDN.K25)	403.100	

STT	Ngành nghề đào tạo	Đơn giá/ tín chỉ	Ghi chú
9	Trung cấp Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp K25 (TC.KLĐ.K25)	603.800	
10	Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (sáo trúc) K25 (TC.BNT.K25)	474.000	
11	Trung cấp Biểu diễn múa dân gian, dân tộc K25 (TC.NBM.K25)	484.000	
12	Trung cấp Organ K25 (TC.ORG.K25)	474.000	
13	Trung cấp Hội họa K25 (TC.HHO.K25)	474.000	
14	Trung cấp Thanh nhạc K25 (TC.TNH.K25)	474.000	
15	Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn K25 (TC.NNK.K25)	512.500	
16	Trung cấp Hướng dẫn du lịch K25 (TC.HDL.K25)	480.900	
17	Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn K25 CLC (TC.NNK.K25 CLC)	513.200	
18	Trung cấp Kỹ thuật máy lạnh, điều hoà không khí K25 (TC.KML.K25)	613.300	
19	Trung cấp Điện công nghiệp K25 (TC.ĐCN.K25)	603.800	
20	Trung cấp Điện dân dụng K25 (TC.ĐDD.K25)	603.800	
21	Trung cấp Vận hành nhà máy thủy điện K25 (TC.VTĐ.K25)	594.700	
22	Trung cấp Hàn K25 (TC.HAN.K25)	594.700	
23	Trung cấp Điện nước K25 (TC.ĐNU.K25)	638.700	
C	MỨC THU HỌC PHÍ ĐỐI VỚI CÁC LỚP K26		
I	Trình độ Cao đẳng		
1	Cao đẳng Điều dưỡng K26 (CĐ.ĐDU.K26)	655.600	
2	Cao đẳng Dược K26 (CĐ.DUO.K26)	601.000	
3	Cao đẳng Biểu diễn nhạc cụ truyền thống (sáo trúc) K26 (CĐ.BNT.K26)	437.600	
4	Cao đẳng Diễn viên múa K26 (CĐ.DVM.K26)	445.500	
5	Cao đẳng Piano K26 (CĐ.PAN.K26)	437.600	
6	Cao đẳng Thanh nhạc K26 (CĐ.TNH.K26)	437.600	
7	Cao đẳng Hội họa K26 (CĐ.HHO.K26)	441.600	
8	Cao đẳng Thú y K26 (CĐ.THY.K26)	415.700	
9	Cao đẳng Nông nghiệp công nghệ cao K26 (CĐ.NCC.K26)	415.700	
10	Cao đẳng Kỹ thuật xây dựng K26 (CĐ.KXD.K26)	640.100	
11	Cao đẳng Kế toán K26 (CĐ.KTO.K26)	453.000	
12	Cao đẳng Kế toán K26 CLC (CĐ.KTO.K26.CLC)	504.500	
13	Cao đẳng Kế toán - Tiếng trung quốc K26 (CĐ.KTO.K26.TTQ)	444.300	
14	Cao đẳng Quản trị khách sạn K26 (CĐ.QKS.K26)	497.800	
15	Cao đẳng Quản trị khách sạn K26 CLC (CĐ.QKS.K26.CLC)	592.200	
16	Cao đẳng Quản trị dịch vụ và du lịch lữ hành K26 (CĐ.QDL.K26)	535.100	
17	Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K26 (CĐ.HDL.K26)	556.000	
18	Cao đẳng Hướng dẫn du lịch - tiếng trung quốc K26 (CĐ.HDL.K26.TTQ)	594.000	
19	Cao đẳng Điện công nghiệp CLC K26 (CĐ.ĐCN.K26 CLC)	673.600	
20	Cao đẳng Điện công nghiệp K26 (CĐ.ĐCN.K26)	527.200	
21	Cao đẳng Kỹ thuật lắp đặt và điều khiển trong công nghiệp K26 (CĐ.KCN.K26)	640.100	
22	Cao đẳng Vận hành thủy điện K26 (CĐ.VTĐ.K26)	590.900	
23	Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí K26 CLC (CĐ.KML.K26.CLC)	631.800	
24	Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí K26 (CĐ.KML.K26)	578.200	
25	Cao đẳng Công nghệ ô tô chất lượng cao K26 (CĐ.COT.K26 CLC)	631.900	
26	Cao đẳng Công nghệ ô tô K26 (CĐ.COT.K26)	548.700	
27	Cao đẳng Hàn K26 (CĐ.HAN.K26)	548.700	
28	Cao đẳng Công nghệ thông tin K26 (CĐ.CNT.K26)	380.900	
29	Cao đẳng Tiếng anh K26 (CĐ.TAN.K26)	471.100	

STT	Ngành nghề đào tạo	Đơn giá/ tín chỉ	Ghi chú
30	Cao đẳng Tiếng Trung quốc K26 (CĐ.TTQ.K26)	388.300	
31	Cao đẳng Tiếng Trung quốc K26 CLC (CĐ.TTQ.K26.CLC)	455.500	
32	Cao đẳng Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam K26	487.700	
II	Trình độ trung cấp		
1	Trung cấp Công nghệ ô tô K26 (TC.COT.K26)	626.900	
2	Trung cấp Hàn K26 (TC.HAN.K26)	600.400	
3	Trung cấp tiếng trung quốc K26 (TC.TTQ.K26)	394.600	
4	Trung cấp tin ứng dụng K26 (TC.TUD.K26)	342.400	
5	Trung cấp kỹ thuật xây dựng K26 (TC.KXD.K26)	705.300	
6	Trung cấp cốt thép-Hàn K26	666.100	
7	Trung cấp điện nước K26 (TC.ĐNU.K26)	710.500	
8	Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K26 (TC.NCC.K26)	431.000	
9	Trung cấp Thú y K26 (TC.THY.K26)	459.200	
10	Trung cấp chăn nuôi - thú y K26 (TC.CTY.K26)	459.200	
11	Trung cấp kế toán doanh nghiệp K26 (TC.KDN.K26)	444.700	
12	Trung cấp nghiệp vụ nhà hàng khách sạn K26 (TC.NNK.K26)	556.400	
13	Trung cấp nghiệp vụ nhà hàng khách sạn K26 CLC (TC.NNK.K26 CLC)	557.300	
14	Trung cấp hướng dẫn du lịch K26 (TC.HDL.K26)	522.200	
15	Trung cấp Kỹ thuật chế biến món ăn K26	640.200	
16	Trung cấp điện công nghiệp K26 (TC.ĐCN.K26)	655.800	
17	Trung cấp điện dân dụng K26 (TC.ĐDD.K26)	655.800	
18	Trung cấp vận hành nhà máy thủy điện K26 (TC.VTĐ.K26)	645.900	
19	Trung cấp Kỹ thuật máy lạnh và điều hoà không khí K26 (TC.KML.K26)	666.100	
20	Trung cấp kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp K26 (TC.KLĐ.K26)	666.100	
21	Trung cấp Điện công nghiệp và dân dụng K26	513.600	
22	Trung cấp Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian, dân tộc K26 (TC.NBM.K26)	520.600	
23	Trung cấp Organ K26 (TC.ORG.K26)	509.800	
24	Trung cấp Hội họa K26 (TC.HHO.K26)	509.800	
25	Trung cấp Thanh nhạc K26 (TC.TNH.K26)	509.800	
26	Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K26 (TC.BNT.K26)	509.800	

S. h. 5